

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2023/HNGĐ - ST

Ngày: 13/04/2023

Về việc: Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH NINH BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán: - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Khanh.

- Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Lệ Dung và ông Trần Văn Nghi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Lan, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: Ông Ninh Trọng Khánh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 04 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 262/2022/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2022 về việc “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 28 tháng 2 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2023/QĐST – HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Hồng N, sinh năm 1985.

ĐKKHKT và trú tại: Tổ 4, phố P, thị trấn P, huyện K, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

- **Bị đơn:** Anh Phạm Viết C, sinh năm 1981.

ĐKKHKT và trú tại: Xóm 11, xã Y, huyện K, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

Chị N có đơn xét xử vắng mặt, anh C vắng mặt lần thứ 2 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và các văn bản khác có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn là chị Nguyễn Hồng N trình bày: Chị và anh Phạm Viết C sau thời gian tự do tìm hiểu đã tự nguyện kết hôn với nhau. Đăng ký kết hôn ngày 22 tháng 5 năm 2022 tại UBND xã Y, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống sống hạnh phúc khoảng 2 tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân trước đó hai vợ chồng tìm hiểu nhau chưa kỹ nên khi về chung sống đã luôn bất đồng quan điểm lối sống, anh chị nhiều lần cãi chửi nhau và ảnh hưởng đến an ninh khu phố nơi chị sinh sống. Việc vợ chồng mâu thuẫn đã được hai bên gia đình phân tích hòa giải nhưng không có kết quả. Từ tháng 7 năm 2022 cho đến nay chị và anh C sống ly thân và không có biện pháp nào hàn gắn. Nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh C.

Về con chung: Chị và anh C không có con chung, nay ly hôn chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và công nợ chung: Chị và anh C không có tài sản chung và công nợ. Nay ly hôn chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Trong bản tự khai ngày 18 tháng 11 năm 2022 bị đơn là anh Phạm Viết C trình bày: Anh và chị Nguyễn Hồng N sau thời gian tự do tìm hiểu đã tự nguyện kết hôn với nhau ngày 20 tháng 5 năm 2022 tại ủy ban nhân dân xã Y, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian ngắn do có sự hiểu lầm và chạm nhau về vấn đề tình cảm nên đã phát sinh mâu thuẫn. Anh xác định đó là những mâu thuẫn nhỏ nhất trong cuộc sống. Việc vợ chồng mâu thuẫn đã được hai bên gia đình phân tích hòa giải nhưng chị N không nhất trí. Bản thân anh đã cố gắng tìm các biện pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả. Nay chị N xin ly hôn nguyện vọng của anh mong muốn Tòa án tạo điều kiện về mặt thời gian để hòa giải cho anh và chị N có cơ hội khắc phục mâu thuẫn. Nên anh chưa đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh và chị N không có con chung. Nên anh không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và công nợ: anh và chị N không có tài sản chung và công nợ vì vậy anh không đề nghị giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

1. Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành và thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành và thực hiện chưa đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự

2. Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 144 khoản 4 Điều 147 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Hồng N và anh Phạm Viết C ly hôn.
- Án phí: Chị Nguyễn Hồng N nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Hồng N có đơn khởi kiện về việc “Ly hôn” với anh Phạm Viết C, sinh năm 1981. Có nơi cư trú tại xóm 11, xã Y, huyện K, tỉnh Ninh Bình nên Tòa án nhân dân huyện K thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1, Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa vắng mặt bị đơn là anh Phạm Viết C, anh C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt không có lý do. Chị N có đơn xin xét xử vắng

mặt. Do vậy để đảm bảo quyền lợi của các bên đương sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Hồng N và anh Phạm Viết C có đăng ký kết hôn ngày 20 tháng 5 năm 2022 tại ủy ban nhân dân xã Y, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Như vậy quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh C là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống hạnh phúc được khoảng hai tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm lối sống và vợ chồng không tin tưởng nhau về vấn đề tình cảm. Cả chị N và anh C đều thừa nhận vợ chồng mâu thuẫn. Chị N có đơn xin ly hôn anh C không đồng ý và mong muốn Tòa án tạo điều kiện về mặt thời gian đồng thời hòa giải để vợ chồng khắc phục mâu thuẫn và về đoàn tụ. Tuy nhiên Anh C sau đó đã không có mặt để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Tại phiên tòa anh C vắng mặt không có lý do thể hiện thái độ bỏ mặc và không thiện chí trong việc cùng nhau giải quyết mâu thuẫn trong cuộc sống vợ chồng. Như vậy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị N và anh C đã trầm trọng, cuộc hôn nhân của anh chị chỉ tồn tại trên danh nghĩa. Mục đích hôn nhân không đạt được.

Căn cứ vào biên bản xác minh tại UBND xã Y xác định: Anh Phạm Viết C là công dân xã Y đang sinh sống tại xóm 11, xã Y. Trước đây anh C có kết hôn với chị N người ở thành phố T, sau đó đã ly hôn. Đến khoảng đầu năm 2022 anh C có tìm hiểu và chị Nguyễn Hồng N người ở thị trấn P, đăng ký kết hôn tại UBND xã Y tháng 2 năm 2022, sau khi kết hôn anh chị về chung sống cùng nhau tại xóm 11, xã Y, anh chị mở quán cắt tóc, làm đẹp khoảng một hai tháng thì chị N không sinh sống cùng anh C nữa mà chuyển về thị trấn P để làm ăn sinh sống. Qua năm bắt tại cơ sở thì chị N và anh C có phát sinh mâu thuẫn do vấn đề làm ăn kinh tế của hai vợ chồng. Còn mâu thuẫn cụ thể như nào thì chính quyền địa phương không nắm được. Bản thân anh chị không có con chung với nhau nên tình cảm không gắn bó. Nay chị N có đơn xin ly hôn anh C đề nghị Tòa án căn cứ vào các quy định của pháp luật để giải quyết.

Từ những tài liệu, chứng cứ nêu trên chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng giữa chị N và anh C đã đến mức trầm trọng không thể khắc phục được, anh chị không có con chung và không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng, như vậy mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

[3] Về con chung: Chị N và anh C không có con chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung và công nợ: Chị N và anh C không có tài sản chung và công nợ, anh chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Do vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 144. Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị Nguyễn Hồng N phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 144; khoản 4 Điều 147; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1/ Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Hồng N và anh Phạm Viết C.

2/ Về án phí: Chị Nguyễn Hồng N phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0004717 ngày 16 tháng 11 năm 2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện K, tỉnh Ninh Bình.

Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình.
- VKSND huyện K
- Chi cục THA dân sự huyện K
- UBND xã Y.
- Đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Thị Khanh